

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16/11/2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 5828/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2025.

Căn cứ Quyết định số 9125/QĐ-UBND-TC ngày 27/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận về phân bổ và giao dự toán chi ngân sách năm 2025;

Xét đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 1930/TTr-TC ngày 27/12/2024 về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 chi tiết theo biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: /

- Như điều 3;
- UBND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tài chính;
- UBND/Q (CT, các phó CT);
- Website Quận 12;
- Lưu: (VT, Tâm).

CHỦ TỊCH**Nguyễn Văn Đức**

Đơn vị: ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

Chương: 599

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 9124/QĐ-UBND/TC, ngày 27/12/2024 của UBND quận)



ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ
1	2	3	4
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		
I	Số thu phí, lệ phí		
1	Lệ phí		
2	Phí		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại		
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước		
I	Lệ phí		
2	Phí		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	2.441.158	2.441.158
I	Nguồn ngân sách trong nước	2.441.158	2.441.158
1	Chi quản lý hành chính	373.416	373.416
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	136.834	136.834
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	236.582	236.582
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ		
2.2	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
2.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1.391.223	1.391.223
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	683.573	683.573
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	707.650	707.650
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	190.607	190.607
4.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	33.694	33.694
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	156.913	156.913
5	Chi bảo đảm xã hội	108.592	108.592
5.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
5.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	108.592	108.592
6	Chi hoạt động kinh tế	124.553	124.553
6.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
6.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	124.553	124.553
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	50.071	50.071
7.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
7.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	50.071	50.071
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	14.440	14.440
8.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.384	5.384
8.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	9.056	9.056
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn		
9.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
9.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	450	450

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ
10.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
10.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	450	450
11	Chi quốc phòng	47.998	47.998
11.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.627	4.627
11.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	43.371	43.371
12	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	74.353	74.353
12.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
12.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	74.353	74.353
13	Khoản dự toán chưa phân bổ	65.455	65.455
12.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
12.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	65.455	65.455
II	Nguồn vốn viện trợ		
III	Nguồn vay nợ nước ngoài		

